

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – KHÁNH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – KHÁNH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quý Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà, tỉnh Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-DS ngày 02/6/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 38/TB-TA ngày 18/6/2025; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 22/2025/TB-TA ngày 14/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1985

Địa chỉ: số 74 Lý Thánh Tôn, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. (Nay là số 74 Lý Thánh Tôn, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà)

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Đức Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: 82 Nguyễn Chích, phường Vĩnh Hoà, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. (Nay là 82 Nguyễn Chích, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà)

Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/7/2024

(Ông Thịnh có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1983

Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà. (Nay là thôn Tân Phú, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà)

(Ông T có mặt, bà Th vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Thu D, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.

(Nay là thôn Xuân Lập, xã Cam Hiệp, tỉnh Khánh Hoà)

(Bà Diệu có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ngô Đức Th trình bày:

Ngày 02/10/2023, ông Huỳnh Văn A cho vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thu Th vay số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên ký kết Hợp đồng vay tài sản là “Giấy mượn tiền”, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày 02/10/2023 đến ngày 12/10/2023. Hai bên không thoả thuận về lãi suất trong hợp đồng. Tuy nhiên, hai bên thoả thuận miệng về lãi suất là 0,01%/ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A đã giao đủ tiền vay 400 triệu đồng cho ông T, bà Th. Đến hạn thanh toán, ông T, bà Th không trả được nợ như đúng thoả thuận, thực tế ông A không nhận được bất kỳ khoản tiền lãi nào từ phía bị đơn. Ông T và bà Th đã trả cho ông A số tiền 70.000.000 đồng. Nay ông A yêu cầu ông T và bà Th trả nợ gốc còn lại số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi được tính như sau:

Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận bằng miệng tương ứng với thời hạn vay 02/10/2023 đến 12/10/2023: $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,01\%/\text{ngày} \times 10 \text{ ngày} = 400.000 \text{ đồng}$

Lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2025): $330.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 60.756.164 \text{ đồng}$ (làm tròn 60.756.000 đồng)

Tổng cộng tiền lãi tính tới ngày 20/8/2025 là 61.156.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thực hiện thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên.

Yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2024, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Ngày 02/10/2023, vợ chồng ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Thu Th có vay của ông Huỳnh Văn A số tiền 400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng là “Giấy mượn tiền”, hai bên không thoả thuận về lãi suất trong hợp đồng. Thời hạn vay là 10 ngày từ ngày 02/10/2023 đến ngày 12/10/2023. Đến hết thời hạn vay ông T và bà Th không thanh toán được cho ông A như thoả thuận.

Sau ngày 12/10/2023, ông T và bà Th đã trả được cho ông Huỳnh Văn A số tiền 70.000.000 đồng. Nay ông A yêu cầu trả số tiền nợ vay và tiền lãi, ông T đồng ý trả nợ gốc số tiền 330.000.000 đồng nhưng xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả lãi: Hai bên không thoả thuận lãi suất trong hợp đồng nhưng có thoả thuận miệng về lãi suất. Nay phía ông A yêu cầu lãi suất trong hạn số tiền 400.000 đồng thì ông T đồng ý. Đối với lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn thì ông T không có ý kiến gì. Tuy nhiên, do kinh tế hiện nay đang khó khăn, ông T và bà Th không có khả năng trả nợ nên xin phía nguyên đơn giảm tiền lãi này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Vợ chồng bà Th và ông T có vay của ông Huỳnh Văn A số tiền 400.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng là “Giấy mượn tiền” ngày 02/10/2023. Bà Th và ông T

đã trả cho ông A số tiền 70.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 330.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại nhưng chia làm nhiều lần để trả, cụ thể mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, do điều kiện kinh tế đang khó khăn nên đề nghị phía nguyên đơn giảm lãi suất để có điều kiện trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu D trình bày:

Bà Diêu là vợ của ông Huỳnh Văn A, khoản vay giữa ông Huỳnh Văn A và vợ chồng ông Nguyễn Anh T là khoản tiền riêng của ông Huỳnh Văn A. Bà Diêu không liên quan và không yêu cầu gì đối với tài sản riêng này. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Diêu xin vắng mặt.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

* Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với nợ gốc: buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Thu Th phải trả cho ông Huỳnh Văn A 330.000.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với lãi trong hạn và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Phía nguyên đơn yêu cầu tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 61.156.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn A và bị đơn ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thu Th, cùng địa chỉ: thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà (nay là thôn Tân Phú, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Khánh Hoà) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Đối với nợ gốc: ngày 02/10/2023, ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Thu Th có vay của ông Huỳnh Văn A số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Hai bên lập hợp đồng vay tài sản là “Giấy vay tiền” ngày 02/10/2023, thời hạn vay 10 ngày kể

từ ngày 02/10/2023 đến ngày 12/10/2023. Ông T và bà Th thừa nhận nội dung trong “Giấy vay tiền” ngày 02/10/2023. Việc thỏa thuận vay là tự nguyện và không trái pháp luật nên đây là giao dịch hợp pháp, có hiệu lực bắt buộc thực hiện. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đều xác định bị đơn ông T và bà Th đã trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn A số tiền 70.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là 330.000.000 đồng. Ông Huỳnh Văn A yêu cầu ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Thu Th có nghĩa vụ liên đới trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 330.000.000 đồng. Khi hết thời hạn vay, ông A đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T, bà Th không thực hiện. Bị đơn ông T và bà Th đưa ra phương án trả nợ mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Xét thấy, ông T và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, số tiền nợ gốc thay đổi từ 400.000.000 đồng chỉ còn lại 330.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá yêu cầu khởi kiện, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của các bên.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến thời hạn do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T và bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 330.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn A ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu D là vợ của ông Huỳnh Văn A, bà Diệu xác định đây là tài sản riêng của ông A, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Diệu có đơn xin giải quyết vắng mặt, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ lãi:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận là không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng nhưng có thỏa thuận miệng. Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày lãi suất thỏa thuận miệng là 0,01%/ngày, bị đơn ông T không có ý kiến và đồng ý với ý kiến trình bày này của phía nguyên đơn. Thực tế, bị đơn chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận định: các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ (tức lãi suất 10%/năm), tuy nhiên phía nguyên đơn trình bày chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,01%/ngày là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi như sau:

Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận bằng miệng tương ứng với thời hạn vay 02/10/2023 đến 12/10/2023: $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,01\%/ngày \times 10 \text{ ngày} = 400.000 \text{ đồng}$

Lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 13/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2025): $330.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 60.756.164 \text{ đồng}$ (làm tròn 60.756.000 đồng)

Tổng cộng tiền lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 61.156.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Điều 357, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T, bà Th trả nợ lãi cho ông Huỳnh Văn A tính đến ngày 20/8/2025 số tiền 61.156.000 đồng.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn A

Buộc ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thu Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn A số tiền nợ gốc 330.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 400.000 đồng và nợ lãi chậm trả tính đến ngày 20/8/2025 là 60.756.000 đồng.

Quy định: kể từ ngày ông Huỳnh Văn A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Thu Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Anh T, bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 19.557.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn A 10.468.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008074 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Khánh Hòa).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND Khu vực 2 - Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Trúc